|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2021/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

DỰ THẢO

**04/3/2021**

**NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;* ***Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019****;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

*Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14 tháng 6 năm 2019.*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền **lập biên bản,** **thẩm quyền** xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

Các hành vi vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; vận tải đường thủy nội địa; tai nạn giao thông đường thủy nội địa và tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa; tổ chức hoạt động trên vùng nước ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải cũng được áp dụng các quy định tại Nghị định này để xử phạt.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng các quy định tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác có liên quan. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 40, 42, 43, 44 và 45 của Nghị định này khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản này được xử phạt theo thẩm quyền.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

đ) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

e) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

g) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

h) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

i) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

5. Thuyền viên tàu biển, tàu cá khi hoạt động trên đường thủy nội địa có hành vi vi phạm quy định tại Điều 10, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 38 hoặc người điều khiển tàu cá có hành vi vi phạm quy định tại Điều 27 của Nghị định này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các điều đó; đối với những hành vi vi phạm hành chính khác thì áp dụng hình thức, mức xử phạt quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thủy sản để xử phạt.

**Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 01 năm, đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 02 năm.

**Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả và áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính**

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây đối với mỗi hành vi vi phạm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt **mức tối đa áp dụng** đối với cá nhân.

**Chương II**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT**

**VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Mục 1.**

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 5. Vi phạm quy định về xây dựng công trình trên vùng nước đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bàn giao hoặc bàn giao không đúng thời hạn, không đủ hồ sơ công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi đưa công trình vào sử dụng;

b) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời gian đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trên vùng nước đường thủy nội địa không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trái phép ở vùng nước ngoài phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa nhưng có ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trái phép trong phạm vi luồng đường thủy nội địa .

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tháo dỡ phần vi phạm của nhà, nhà nổi, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và buộc tháo dỡ nhà, nhà nổi, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này.

**Điều 6. Vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo kịp thời khi có vật chướng ngại xuất hiện trên luồng đường thủy nội địa theo quy định hoặc khi luồng đường thủy nội địa thay đổi;

b) Không lập hồ sơ theo dõi vật chướng ngại trên đường thủy nội địa có ảnh hưởng đến an toàn giao thông theo quy định;

c) Không vận hành âu tàu hoặc vận hành âu tàu không đúng quy trình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không kịp thời bảo đảm an toàn giao thông khi phát hiện vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa;

b) Không sửa chữa kè, đập giao thông, âu tàu bị hư hại.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc sửa chữa công trình bị hư hại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Vi phạm quy định nạo vét vùng nước đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng mỗi phương tiện **nạo vét**, phương tiện vận chuyển chất nạo vét **để thực hiện nạo vét** **mà** không lắp đặt thiết bị giám sát theo quy định hoặc thiết bị giám sát không bảo đảm **tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định** hoặc **thiết bị giám sát không hoạt động**”;

b) Sử dụng mỗi phương tiện **nạo vét**, vận chuyển chất nạo vét **không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định**”;

c) Không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và **vận chuyển đổ chất nạo vét** hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đổ **chất nạo vét** **không đúng vị trí quy định**”.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét vùng nước đường thủy nội địa không đúng yêu cầu kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét **vùng nước** đường thủy nội địa **mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.**

5. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện, thiết bị, dụng cụ sử dụng để nạo vét, vận chuyển chất nạo vét đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Tịch thu cát, sỏi hoặc khoáng sản khác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 8. Vi phạm quy định về trục vớt, thanh thải vật chướng ngại**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo hoặc cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo không đúng theo quy định về tài sản chìm đắm, vật chướng ngại trên các tuyến đường thủy nội địa.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc không trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại đúng thời hạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không kịp thời báo hiệu phù hợp với vị trí tài sản bị chìm đắm, vật chướng ngại;

b) Thực hiện việc trục vớt hoặc kết thúc việc trục vớt tài sản bị chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại quá thời gian quy định;

c) Trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

d) Không thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định;

đ) Trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại không đầy đủ hoặc không đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt phương tiện bị chìm đắm hoặc không thanh thải vật chướng ngại khác theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

**Điều 9. Vi phạm quy định về thiết lập, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì mỗi báo hiệu đường thủy nội địa theo quy chuẩn kỹ thuật hoặc không thỏa thuận thông số kỹ thuật, phương án bố trí mỗi báo hiệu trước khi thiết lập báo hiệu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập mỗi báo hiệu không đúng quy chuẩn kỹ thuật báo hiệu đường thủy nội địa hoặc thông tin chỉ dẫn trên báo hiệu không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thiết lập mỗi báo hiệu trên luồng đường thủy nội địa, tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, vị trí vật chướng ngại, công trình, khu vực hoạt động trên đường thủy nội địa theo quy định hoặc phương án đã được duyệt.

**Điều 10. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đổ rác hoặc rơm, rạ xuống vùng nước đường thủy nội địa;

b) Buộc động vật vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trồng cây, để đồ vật, dựng lều, quán hoặc có hành vi khác che khuất hoặc làm hạn chế tác dụng của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc làm hạn chế tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

b) Buộc phương tiện vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi để đồ vật, tre, gỗ trôi tự do trong phạm vi luồng đường thủy nội địa.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi để bùn, đất, cát, sỏi hoặc chất thải khác rơi, trôi xuống vùng nước đường thủy nội địa.

5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi tự ý dịch chuyển mỗi báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc có hành vi khác làm mất tác dụng của mỗi báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Tự ý tháo dỡ cấu kiện hoặc lấy đất, đá của công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

b) Đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác không đúng quy định xuống vùng nước đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm sạt lở kè, đập giao thông;

b) Điều khiển phương tiện hoặc để phương tiện đâm, va vào công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình hoặc gây cản trở giao thông.

8. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Cố ý tạo vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa gây cản trở giao thông;

b) Sử dụng chất nổ làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển phương tiện, cây, đồ vật, lều, quán, tre, gỗ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều này.

**Điều 11. Vi phạm quy định** **về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công công trình, nạo vét, hoạt động khoáng sản, tổ chức hoạt động trên vùng nước đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Để phương tiện, thiết bị thi công gây cản trở giao thông;

b) Không rà quét, thanh thải vật chướng ngại sau khi thi công công trình, trục vớt phương tiện chìm đắm.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa trước khi thực hiện một trong các hoạt động sau đây trên vùng nước đường thủy nội địa:

a) Xây dựng công trình, trục vớt, thanh thải vật chướng ngại;

b) Nạo vét;

c) Khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi, bùn, đất hoặc khoáng sản khác;

d) Nuôi trồng thủy, hải sản;

đ) Tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, diễn tập (trừ trường hợp diễn tập bí mật quốc phòng, an ninh theo quy định).

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận khi thực hiện một trong các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này trên vùng nước đường thủy nội địa.

4. Phạt tiền từ 65.000.000 đến 75.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này **để xảy ra** tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đánh bắt thủy sản, hải sản lưu động gây cản trở giao thông.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản không đúng theo hướng dẫn của đơn vị quản lý đường thủy nội địa.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không dỡ bỏ dụng cụ, không di dời phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản ngay sau khi chấm dứt hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa;

b) Không dỡ bỏ, di chuyển, thu hẹp dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản theo thông báo của đơn vị quản lý đường thủy nội địa.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trên luồng đường thủy nội địa.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di dời dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc dỡ bỏ, di dời, thu hẹp dụng cụ, phương tiện nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, hải sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

**Điều 13. Vi phạm quy định về tổ chức hoạt động trên vùng nước đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, điều tiết, chống va trôi, khảo sát, thăm dò trên vùng nước đường thủy nội địa không đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, điều tiết, chống va trôi, khảo sát, thăm dò trên vùng nước đường thủy nội địa mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động hoặc chấp thuận vùng hoạt động.

**Mục 2.**

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN**

**Điều 14. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè vào hoạt động mà không bảo đảm điều kiện an toàn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người khi có một trong các hành vi vi phạm dưới đây:

a) Không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

b) Không kẻ, không gắn số đăng ký hoặc kẻ, gắn số đăng ký của phương tiện không đúng quy định hoặc số đăng ký phương tiện bị che khuất;

c) Không sơn vạch dấu mớn nước an toàn (dấu mạn khô) của phương tiện hoặc kẻ vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện không đúng theo quy định hoặc bị che khuất;

d) Không kẻ, gắn biển ghi số người hoặc kẻ, gắn biển ghi số người được phép chở trên phương tiện không đúng quy định hoặc biển ghi số người bị che khuất;

đ) Không ghi nhật ký hành trình của phương tiện theo quy định.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng phương tiện không có sổ danh bạ thuyền viên hoặc không có sổ nhật ký phương tiện theo quy định hoặc phương tiện chở khách du lịch không có biển hiệu theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này hoặc không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đến 5.000.000 đối với phương tiện chở dầu có tổng dung tích từ 150RT trở lên, phương tiện chở hàng có tổng dung tích từ 400RT trở lên không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt theo quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

**Điều 15. Vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện**

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi khai báo không đúng sự thật để đăng ký, đăng kiểm phương tiện; mượn, thuê, cho mượn, cho thuê thiết bị, dụng cụ để được đăng kiểm, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

3. Xử phạt đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định hoặc kẻ, gắn biển số đăng ký giả trên phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định, biển số đăng ký giả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xóa số đăng ký giả kẻ trên phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện**

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi trang bị không đủ số lượng hoặc không đúng chủng loại, bố trí không đúng vị trí, sử dụng quá thời hạn quy định của thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cá nhân), dụng cụ cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện, áp dụng đối với mỗi thiết bị, dụng cụ theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa (sau đây viết tắt là sức ngựa) hoặc có sức chở dưới 05 người;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

đ) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

e) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

2. Xử phạt đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân, áp dụng đối với mỗi áo phao, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo quy định, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa (sau đây viết tắt là sức ngựa) hoặc có sức chở dưới 05 người;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

đ) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

e) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lắp thiết bị thông tin trên mỗi phương tiện theo quy định hoặc thiết bị thông tin liên lạc không hoạt động, áp dụng đối với mỗi thiết bị.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi không lắp đặt, trang bị thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc không duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

**Điều 17. Vi phạm quy định về công dụng, vùng hoạt động của phương tiện**

Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đưa phương tiện vào khai thác không đúng công dụng hoặc không đúng vùng hoạt động của phương tiện theo quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người;

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

**Điều 18. Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện**

1. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đối với hành vi khai thác phương tiện quá niên hạn sử dụng theo quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

**Điều 19. Vi phạm quy định về đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;

b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định;

c) Không có đủ cơ sở vật chất hoặc thiếu một trong những trang thiết bị phục vụ nhu cầu đóng mới, sửa chữa tàu hoặc trang thiết bị không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện theo quy định;

d) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý tại cơ sở theo quy định;

đ) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án đảm bảo an toàn **giao thông** khi hạ thủy phương tiện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có hồ sơ hoặc thực hiện không đúng hồ sơ thiết kế được cơ quan đăng kiểm thẩm định khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

b) Không đảm bảo điều kiện giám sát, quản lý chất lượng khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện theo quy định;

c) Thiếu từ 01 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ đóng tàu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện tự ý hoán cải, thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của phương tiện so với thiết kế ban đầu vào hoạt động.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vikhông có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

5. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã khi hành nghề đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện theo quy định.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tháo dỡ phần hoán cải phương tiện thuộc diện đăng kiểm không đúng quy định theo điểm a khoản 2 và **khoản 3** Điều này.

**Mục 3.**

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THUYỀN VIÊN,**

**NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN, CHỦ PHƯƠNG TIỆN**

**Điều 20. Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ phương tiện, người thuê phương tiện**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập sổ danh bạ thuyền viên theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây của chủ phương tiện, người thuê phương tiện:

a) Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi, không có chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định điều khiển (lái) phương tiện, làm việc trên phương tiện;

b) Sử dụng thuyền viên làm việc quá thời gian quy định;

c) Không bố trí đủ định biên thuyền viên theo quy định hoặc sử dụng thuyền viên không có tên trong danh bạ thuyền viên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê phương tiện không đủ điều kiện hoạt động.

**Điều 21. Vi phạm quy định về trách nhiệm, điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không hướng dẫn hành khách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm và thoát hiểm;

b) Không thực hiện biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thu gom, lưu trữ và chuyển chất thải đến nơi tiếp nhận để xử lý theo quy định;

c) Thuyền trưởng không trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền khi rời phương tiện;

d) Thuyền trưởng không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người cảnh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế;

đ) Thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định;

e) Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc theo quy định khi phương tiện đang hành trình;

g) Không thông báo cho Cảng vụ (nơi cấp giấy phép rời cảng, bến, khu neo đậu) về sự thay đổi thuyền viên khi phương tiện rời cảng, bến, khu neo đậu.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi, không có chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định thay mình điều khiển hoặc lái phương tiện;

b) Thuyền trưởng không trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa và các trường hợp khác theo quy định;

c) Thuyền viên không phải là thuyền trưởng mà trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa hoặc trong các trường hợp khác theo quy định thuyền trưởng phải trực tiếp điều khiển phương tiện;

d) Nhận, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện hoạt động hoặc không đủ định biên theo quy định;

đ) Nhận, sử dụng thuyền viên làm việc trên phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

3. Xử phạt đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng, như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam **đến 0,4 miligam/01 lít khí thở**;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc **vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở**.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

**Điều 22. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện không mang theo chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái phương tiện không có chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn không phù hợp với loại phương tiện theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn quá thời hạn theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền viêntheo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhì;

d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhất.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ chuyên môn hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi chứng chỉ chuyên môn hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn giả.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, tẩy xóa, sửa chữa giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng giả.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi cho thuê, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này;

b) Tịch thu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng chứng chỉ chuyên môn đối với trường hợp tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, đổi chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng giả theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

**Điều 23. Vi phạm quy định về đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng** **thuyền viên, người lái phương tiện**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thực hành không có biển “phương tiện huấn luyện”.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thi thực hành không phù hợp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bảo đảm điều kiện phòng học và phòng thi, kiểm tra theo quy định;

b) Không bảo đảm tiêu chuẩn xưởng và khu vực thực hành theo quy định;

c) Tài liệu giảng dạy không bảo đảm theo quy định;

d) Giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành không bảo đảm điều kiện theo quy định;

đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định;

e) Không có quy chế thi, kiểm tra hoặc thực hiện không đúng quy chế thi, kiểm tra.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng các loại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoặc không đúng theo giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng thuyền viên, người lái phương tiện trong thời gian cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 04 tháng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

**Điều 24. Vi phạm quy định về trách nhiệm khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không báo kịp thời cho cơ quan Công an, Cảng vụ hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây của người gây tai nạn:

a) Không có mặt đúng thời gian triệu tập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không cung cấp đầy đủ tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bảo vệ hoặc làm thay đổi dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn;

b) Không cung cấp tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi có điều kiện hoặc tham gia nhưng không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hiện trường;

b) Gây mất trật tự, cản trở việc cứu nạn, xử lý tai nạn;

c) Lợi dụng tai nạn xảy ra để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi gây tai nạn mà bỏ trốn.

**Điều 25. Vi phạm quy định về trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện khi có hoạt động kiểm tra, kiểm soát**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

b) Cố tình không dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo lệnh của người có thẩm quyền;

c) Không xuất trình hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài việc xuất trình giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương tiện, hàng hóa khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;

d) Không đưa hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian đưa phương tiện về nơi xử lý vi phạm theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chống đối việc kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền.

**Mục 4.**

**VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG VÀ QUY ĐỊNH**

**VỀ TÍN HIỆU CỦA PHƯƠNG TIỆN**

**Điều 26. Vi phạm quy tắc giao thông**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người có mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bám, buộc phương tiện của mình vào phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm đang hành trình hoặc để phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm bám, buộc vào phương tiện của mình, trừ trường hợp cứu hộ, cứu nạn hoặc trường hợp bất khả kháng;

b) Không tuân theo chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc chỉ dẫn của người điều tiết giao thông, trừ hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Không giảm tốc độ của phương tiện theo quy định;

d) Không phát tín hiệu của phương tiện theo quy định khi vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế hoặc nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp;

đ) Không phát tín hiệu hoặc phát tín hiệu không đúng quy định khi tránh hoặc vượt nhau;

e) Vượt phương tiện khác khi chưa được phương tiện đó phát tín hiệu cho vượt;

g) Vượt phương tiện khác tại nơi có báo hiệu cấm vượt, phía trước có phương tiện đi ngược lại hay có vật chướng ngại, nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, nơi có báo hiệu chiều rộng luồng bị hạn chế, khi đi qua khoang thông thuyền, âu tàu;

h) Không tránh, không nhường đường cho phương tiện khác theo quy định;

i) Neo đậu phương tiện ở những nơi cấm neo đậu, không thực hiện đúng các quy định về neo đậu phương tiện hoặc neo đậu phương tiện gây cản trở giao thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi neo đậu phương tiện để xếp dỡ chuyển tải hàng hóa hoặc hành khách tại vùng nước không được công bố, cấp giấy phép hoạt động, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Lạm dụng quyền được nhường đường, quyền ưu tiên gây nguy hiểm hoặc trở ngại cho các phương tiện khác;

b) Điều khiển phương tiện lạng lách gây mất an toàn giao thông đường thủy nội địa;

c) Điều khiển phương tiện chạy tạo sóng gây tổn hại đến công trình giao thông;

d) Điều khiển phương tiện chạy với tốc độ lớn gây mất an giao thông đường thủy nội địa.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không tuân theo báo hiệu thông báo hạn chế về chiều cao, chiều sâu, chiều rộng hoặc báo hiệu hạn chế lai dắt mà gây tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông hoặc làm hư hại đến các công trình trên đường thủy nội địa.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tham gia đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 12 tháng đến 24 tháng đối với vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với công trình bị hư hại do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra.

**Điều 27. Vi phạm quy định về âm hiệu, đèn hiệu, dấu hiệu và cờ hiệu (sau đây gọi chung là tín hiệu) của phương tiện**

Xử phạt vi phạm hành chính hành vi bố trí không đủ hoặc không đúng đối với mỗi tín hiệu hoặc mỗi tín hiệu trên phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc mỗi tín hiệu trên phương tiện không hoạt động theo quy định, như sau:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

**Mục 5.**

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU**

**Điều 28. Vi phạm quy định về quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa):

a) Không có bảng nội quy hoạt động theo quy định;

b) Không có bảng niêm yết giá vé đối với cảng, bến khách theo quy định;

c) Không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm theo quy định;

đ) Không ban hành hoặc không niêm yết công khai hoặc không thực hiện đúng quy trình xếp dỡ hàng hóa theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa) hoặc đối với bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bố trí giao thông kết nối hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi tại cảng, bến hành khách theo quy định;

b) Khai thác quá phạm vi vùng nước theo quy định;

c) Khai thác không đúng mục đích so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động;

d) Tự ý cho phương tiện vào xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách khi phương tiện chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ cảng, người quản lý, khai thác cảng thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ mỗi các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nơi chờ cho hành khách theo quy định.

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ mỗi thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa):

a) Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định định phải thực hiện công bố lại;

b) Không tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại khi đã được công bố đóng hoạt động.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa):

a) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, công dụng công trình so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động;

b) Không cung cấp hồ sơ khi xây dựng công trình, hồ sơ công bố, cấp phép hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

c) Khai thác trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

8. Phạt tiền từ 10. 000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện duy tu, kiểm định chất lượng cảng thủy nội địa theo quy định hoặc vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa).

9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 7 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa).

10. Xử phạt vi phạm hành chính đối với quản lý khai thác khu neo đậu như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại điểm b, điểm c hoặc điểm d khoản 2 Điều này;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại khoản 6 hoặc điểm b khoản 7 Điều này;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 7 Điều này.

11. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị theo quy định.

12. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, đăng kiểm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định.

13. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác bến thủy nội địa, khu neo đậu mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc cấp phép hoạt động.

14. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cảng thủy nội địa mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoạt động.

15. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cảng, bến tiếp nhận xăng, dầu.

16. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa tại cảng, bến, khu neo đậu, như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi để mỗi hành khách xuống phương tiện vượt quá sức chở của phương tiện;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe mô tô, xe gắn máy xuống phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô xuống phương tiện vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xếp ô tô xuống phương tiện tại cảng, bến không được tiếp nhận phương tiện chở ô tô.

17. Xử phạt đối với hành vi để xe ô tô chở hàng hóa vượt quá tải trọng được phép chở ra khỏi cảng, bến như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ 10% đến 50% ra khỏi cảng, bến, ***trừ xe xi téc chở chất lỏng***;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 50% đến 100% ra khỏi cảng, bến;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% ra khỏi cảng, bến.

18. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục xác nhận hàng năm giấy chứng nhận an ninh cho cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc không thực hiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được phê duyệt hoặc không bố trí hoặc bố trí không đủ người làm công tác an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc có giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoàì, nhưng đã hết giá trị.

19. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cảng, bến từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 18 Điều này trong trường hợp vi phạm từ 02 lần trở lên hoặc tái phạm.

20. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 6 Điều này.

**Điều 29. Vi phạm quy định về hoạt động của phương tiện trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không để cho người của phương tiện khác đi qua phương tiện của mình.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nội quy cảng, bến thủy nội địa hoặc gây mất trật tự tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tự ý di chuyển phương tiện hoặc neo đậu phương tiện không đúng nơi quy định trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không thực hiện sự điều động của người có thẩm quyền huy động phương tiện để cứu người, phương tiện bị nạn hoặc tự ý điều khiển phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc không có giấy phép vào, rời cảng, bến hoặc không có lệnh điều động theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

**Mục 6.**

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 30. Vi phạm quy định về vận chuyển người, hành khách**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái phương tiện sử dụng phương tiện không có động cơ có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ có sức chở dưới 05 người đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bố trí chỗ ngồi cho hành khách, để hành khách đứng trên phương tiện hoặc có hành vi khác làm mất an toàn của phương tiện; để người, hành khách ngồi trên mui hoặc hai bên mạn của phương tiện;

b) Xếp người, hành khách, hàng hóa, hành lý, xe đạp, xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện khác làm nghiêng lệch phương tiện hoặc che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

c) Không có nội quy an toàn hoặc không phổ biến nội quy an toàn, không hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ an toàn hoặc không có bảng hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ an toàn cho người, hành khách trên phương tiện;

d) Chở động vật nhỏ mà không nhốt trong lồng, cũi hoặc chở động vật lớn cùng với người, hành khách trên phương tiện.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người lái phương tiện sử dụng phương tiện không có động cơ sức chở trên 12 người, phương tiện có động cơ sức chở từ 05 người đến dưới 12 (mười hai) người để vận chuyển người, hành khách có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định;

b) Không có danh sách hành khách trong mỗi chuyến hoặc danh sách hành khách không đúng quy định, trừ vận chuyển hành khách ngang sông;

c) Xếp hàng hóa, hành lý trên lối đi của hành khách.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này hoặc chạy không đúng tuyến đã thông báo, trừ vận chuyển hành khách theo hợp đồng; bỏ chuyến đã đăng ký; chuyển nhượng hành khách sang phương tiện khác mà chưa được sự đồng ý của hành khách, như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật bị dịch bệnh cùng với hành khách.

5. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 trên mỗi người đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện chở người, hành khách.

6. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 trên mỗi người đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện chở người, hành khách tốc độ cao.

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hành khách theo phương thức hợp đồng chuyến nhưng không có hợp đồng.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định **tại điểm c khoản 3 Điều này** hoặc đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 30% đến 50% quy định tại **khoản 5, khoản 6** Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 50% trở lên quy định tại **khoản 5, khoản 6** Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đưa lên khỏi phương tiện động vật lớn, hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; buộc đưa lên khỏi phương tiện số người, hành khách vượt quá sức chở của phương tiện theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này và phải tổ chức cho hành khách chở vượt đến nơi an toàn;

b) Buộc đưa lên khỏi phương tiện và tiêu hủy động vật bị dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 31. Vi phạm quy định về trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong hoạt động vận tải**

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hàng hóa không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ trên 15 tấn đến 100 tấn, phương tiện có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 200 tấn, phương tiện có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

2. Xử phạt vi phạm hành chính với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hành khách không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách;

c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách.

**Điều 32. Vi phạm quy định về an toàn giao thông của người, hành khách trên phương tiện**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không chấp hành nội quy an toàn trên phương tiện, không chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mang hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm vận tải chung với hành khách;

b) Gây mất trật tự, an toàn trên phương tiện.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không mặc áo phao cứu sinh hoặc không mang dụng cụ nổi cứu sinh do thuyền viên, người lái phương tiện phát khi tham gia giao thông trên phương tiện chở khách ngang sông, phương tiện có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người.

**Điều 33. Vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa trên phương tiện**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xếp, dỡ hàng hóa làm nghiêng lệch phương tiện;

b) Xếp hàng hóa che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc cản trở hoạt động của hệ thống lái, neo và các trang thiết bị an toàn khác;

c) Xếp hàng hóa vượt quá kích thước chiều ngang, chiều dọc của phương tiện.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi vi phạm quy định về xếp mô tô, xe gắn máy, ô tô trên phương tiện, như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe mô tô, xe gắn máy xuống phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định xuống phương tiện;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô vượt quá trọng tải, số người mà ô tô được phép chở theo quy định xuống phương tiện.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xếp hàng hóa theo đúng quy định đối với vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc đưa ô tô không đúng chủng loại lên khỏi phương tiện đối với vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 34. Vi phạm quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa nguy hiểm vi phạm các quy định sau:

a) Thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm mà không có chứng chỉ chuyên môn đặc biệt;

b) Không chấp hành các quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm ghi trong giấy phép;

c) Không trang bị thiết bị, dụng cụ phòng, chống cháy, nổ, độc hại;

d) Không có biểu trưng hàng hóa nguy hiểm, báo hiệu nguy hiểm;

đ) Không thực hiện đúng quy trình làm sạch phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm;

e) Thực hiện rửa, tẩy phương tiện sau khi vận tải hàng hóa nguy hiểm không đúng nơi quy định.

2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất từ phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định khi vận tải xăng, dầu, chất lỏng độc hại.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 35. Vi phạm quy định về vận tải qua biên giới, động vật sống, hàng hóa siêu trường, siêu trọng**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa, hành khách qua biên giới mà không có giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện vận tải động vật sống không bảo đảm vệ sinh, phòng dịch và bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng mà không có phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu động vật bị cấm vận chuyển quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 36. Vi phạm quy định về xếp, dỡ hoặc chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này.

2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện từ trên 1/5 đến 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này, như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn;

b) Phạt tiền từ **2.000.000 đồng đến 3.000.000** đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn trên 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này, như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Mục 7.**

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOA TIÊU**

**Điều 37. Vi phạm quy định về sử dụng hoa tiêu của phương tiện**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi phương tiện không treo cờ hiệu hoặc không sử dụng đèn hiệu theo quy định khi xin hoa tiêu hoặc khi hoa tiêu có mặt trên phương tiện.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không sử dụng hoa tiêu theo quy định;

b) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác cho hoa tiêu biết về đặc điểm và tính năng điều động của phương tiện;

c) Không bảo đảm điều kiện làm việc cho hoa tiêu trong thời gian hoa tiêu ở trên tàu hoặc không có thang hoa tiêu hoặc thang hoa tiêu không bảo đảm an toàn theo quy định hoặc thang hoa tiêu được bố trí tại nơi không phù hợp hoặc không có các biện pháp bảo đảm an toàn khác cho hoa tiêu lên, rời phương tiện;

d) Đình chỉ hoặc yêu cầu thay thế hoa tiêu mà không có lý do chính đáng;

đ) Đón trả hoa tiêu không đúng địa điểm theo quy định.

**Điều 38. Vi phạm quy định về hoa tiêu và dẫn luồng trên đường thủy nội địa**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài thuộc diện phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc mà không có chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hoặc giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu;

b) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài không đúng vùng hoạt động của hoa tiêu theo quy định;

c) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài vào vị trí neo đậu không đúng vị trí chỉ định của Cảng vụ Đường thủy nội địa;

d) Hoa tiêu không thông báo những thay đổi của luồng cho Cảng vụ Đường thủy nội địa;

đ) Hoa tiêu tự ý rời phương tiện, tàu biển nước ngoài khi chưa được phép của thuyền trưởng;

e) Từ chối dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc tổ chức hoa tiêu về việc từ chối dẫn phương tiện;

g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài trên tuyến luồng, vùng nước đường thủy nội địa mà không có giấy phép hoạt động hoa tiêu ở khu vực đó;

b) Ép buộc thuyền viên, người lái phương tiện phải thuê, mướn việc dẫn luồng tại khu vực không phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc;

c) Tự ý dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài không đúng tuyến luồng đường thủy nội địa đã được công bố;

d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn giao thông đường thủy nội địa;

đ) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 39. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

b) **Cán bộ,** công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước, bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành, đơn vị lực lượng Quân đội, Công an đang thi hành công vụ;

c) Cảng vụ viên Cảng vụ Đường thủy nội địa; Cảng vụ viên Cảng vụ Hàng hải.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về giao thông đường thủy nội địa, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này phải buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính và kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.

**Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình theo thẩm quyền, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết chung là cấp huyện) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

**Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân**

Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 19, Điều 23 và các hành vi vi phạm xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi thẩm quyền của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. **Trưởng trạm**, Đội trưởng **của người được quy định tại khoản 1 Điều này** có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, **Thủy đội trưởng** có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Thủy đoàn trưởng Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

**Điều 42. Thẩm quyền của Thanh tra giao thông**

1. Thanh tra viên là thanh tra giao thông đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

**Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa**

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra Chi cục Đường thủy nội địa, Chi cục trưởng Chi cục Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền :

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

**Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Đường thủy nội địa**

Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách quy định tại Nghị định này tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi trách nhiệm được giao, kể cả cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.

2. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

**Điều 45. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Hàng hải**

Cảng vụ Hàng hải có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về khai thác cảng, bến thủy nội địa, phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách tại cảng, bến thủy nội địa **kể cả cảng, bến thủy nội địa chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố** trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, ~~trừ quy định tại các khoản 15 Điều 28~~, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.

2. Giám đốc Cảng vụ Hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

**Điều 46. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng**

Bộ đội Biên phòng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về điều kiện hoạt động, tín hiệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng, Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, **Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng** có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Cục phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, **Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng,** Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phân công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

**Điều 47. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển**

Cảnh sát biển có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về điều kiện hoạt động, tín hiệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, thẩm quyền cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phân công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 22.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

**Điều 48. Thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác**

Lực lượng Kiểm ngư, Thanh tra chuyên ngành: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, vận tải du lịch theo Nghị định này liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý.

**Chương IV**

**QUY ĐỊNH VỀ TẠM GIỮ PHƯƠNG TIỆN, GIẤY TỜ, XÁC ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN KHÔNG ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KIỂM, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ SỬ DỤNG HÌNH ẢNH, THIẾT BỊ ĐỂ XỬ PHẠT**

**Điều 49. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm**

1. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính có thể lập biên bản tạm giữ giấy tờ liên quan đến phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.

3. Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ và chỉ tạm giữ bản chính một trong các giấy tờ theo thứ tự sau đây, cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt:

a) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện;

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện thế chấp;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

d) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của máy trưởng;

đ) Giấy tờ liên quan đến tang vật, phương tiện khác.

4. Người có thẩm quyền tạm giữ giấy tờ phải ghi đầy đủ thông tin của giấy tờ bị tạm giữ, thời gian tạm giữ trong biên bản **vi phạm hành chính** và giao cho người vi phạm có giấy tờ bị tạm giữ.

5. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ phương tiện hoặc thuyền viên, người lái phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hành khách, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.

**Điều 50. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và đình chỉ hoạt động có thời hạn**

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc thời hạn đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là mức trung bình của khung thời gian tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động là mức tối thiểu của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối đa của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động.

3. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề (thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước) là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ;

c) Khi tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm b khoản này và khi trả giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

5. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm.

**Điều 51. Phương pháp xác định trọng tải, công suất của phương tiện không đăng kiểm, không đăng ký**

Đối với các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định này liên quan đến phương tiện không đăng ký, không đăng kiểm thì phương pháp xác định trọng tải toàn phần, công suất của phương tiện để áp dụng xử phạt, như sau:

1. Trọng tải toàn phần của phương tiện ký hiệu là T (tấn) và được tính theo công thức T = A x K, trong đó:

a) A là giá trị của số đo chiều dài boong chính, đo từ mũi đến lái phương tiện nhân với số đo chiều rộng mép boong ở giữa phương tiện nhân với số đo chiều cao mạn, đo từ đáy đến mặt boong ở giữa phương tiện, được tính theo công thức A = L x B x D, trong đó:

L (m): Chiều dài boong chính đo từ mũi đến hết lái phương tiện;

B (m): Chiều rộng mép boong đo ở giữa phương tiện;

D (m): Chiều cao mạn đo từ đáy đến mặt boong ở giữa phương tiện;

b) K là hệ số tương ứng với giá trị A và áp dụng như sau:

Giá trị của A từ 4,55 m3 đến 18,76 m3 thì hệ số K = 0,26;

Giá trị của A từ trên 18,76 m3 đến 49,80 m3 thì hệ số K = 0,29;

Giá trị của A từ trên 49,80 m3 đến 387,20 m3 thì hệ số K = 0,35;

Giá trị của A từ trên 387,20 m3 đến 1.119,80 m3 thì hệ số K = 0,51;

Giá trị của A trên 1.119,80 m3 thì hệ số K = 0,57.

2. Nếu phương tiện không phải là phương tiện vận tải hàng hóa, hành khách thì căn cứ vào tổng công suất máy chính lắp trên phương tiện để áp dụng hình thức, mức xử phạt. Trường hợp không có cơ sở để xác định công suất máy chính lắp trên phương tiện, không nhãn mác, thì áp dụng mức xử phạt theo công suất máy 50 sức ngựa.

3. Trường hợp không xác định được trọng tải toàn phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền đề nghị Cơ quan đăng kiểm xác định trọng tải toàn phần của phương tiện để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Đối với phương tiện như: bến nổi hoặc kết cấu nổi khác mà trên đó đặt thiết bị thi công cuốc, hút để nạo vét luồng, khai thác khoáng sản, xếp dỡ hàng hóa nếu không đủ căn cứ để xác định trọng tải toàn phần hoặc công suất của phương tiện thì xác định như sau:

a) Phương tiện có chiều dài lớn nhất đến 10 m hoặc có chiều rộng lớn nhất đến 4 m thì được xác định như phương tiện có trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn;

b) Phương tiện có chiều dài lớn nhất trên 10 m hoặc có chiều rộng lớn nhất trên 4 m thì được xác định như phương tiện có trọng tải toàn phần trên 15 tấn;

c) Chiều dài của phương tiện được tính từ điểm ngoài cùng của mũi phương tiện đến điểm ngoài cùng của lái phương tiện hoặc từ hai điểm ngoài cùng của phương tiện nơi có mặt cắt lớn nhất trên mặt boong;

d) Chiều rộng của phương tiện được tính từ mép boong bên này đến mép boong bên kia, ở vị trí có kích thước lớn nhất.

**Điều 52. Cách đổi các đơn vị ra dung tích**

Trường hợp giấy chứng nhận của phương tiện không ghi dung tích thì dung tích của phương tiện được tính như sau:

1. Phương tiện thủy nội địa có động cơ: 1,5 tấn trọng tải được tính bằng 01 GT.

2. Phương tiện thủy nội địa không có động cơ: 01 tấn trọng tải toàn phần được tính bằng 01 GT.

3. Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách và cẩu nổi: 01 mã lực (HP, CV) được bằng 0,5 GT; 01 KW được tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cẩu đặt trên tàu thuyền được tính bằng 06 GT.

4. Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách được tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm được tính bằng 04 GT.

5. Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Được tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc tàu đẩy.

6. Việc quy đổi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được chọn phương thức quy đổi có tổng dung tích lớn nhất.

7. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP hoặc 01 KW được tính tròn bằng 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

**Điều 53. Xử lý hành vi không có hoặc không mang giấy tờ theo quy định, thuyền viên điều khiển phương tiện vừa chở khách vừa chở hàng hóa**

1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện đang thế chấp thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải phô tô, lưu lại giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

2. Trường hợp giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện đã bị tạm giữ để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt, nếu người vi phạm xuất trình biên bản vi phạm hành chính có ghi giấy tờ bị tạm giữ còn thời hạn, thì được xem như phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện có giấy tờ theo quy định. Nếu biên bản vi phạm hành chính đã quá thời hạn quy định, thì bị xử phạt với hành vi không có giấy tờ theo quy định.

3. Trường hợp phương tiện được phép chở hành khách và hàng hóa, nếu thuyền viên, người lái phương tiện có vi phạm quy định về hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì căn cứ vào quy định đảm nhiệm chức danh, loại chứng chỉ chuyên môn áp dụng cho phương tiện chở khách để xử phạt.

**Điều 54. Chế độ thông tin trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính**

1. Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để tiến hành việc thu hồi theo quy định của pháp luật, thông báo bằng văn bản hoặc bằng các hình thức phù hợp khác về Cục Cảnh sát giao thông và thông báo cho người vi phạm biết. Các trường hợp đã thông báo nhưng sau đó tổ chức, cá nhân đến thi hành quyết định xử phạt thì đơn vị xử phạt phải thông báo lại cho cơ quan đã cấp các giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông.

2. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề thì phải thông báo ngay bằng văn bản hoặc hình thức khác cho cơ quan cấp giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông.

3. Thông báo gửi cho cơ quan cấp giấy tờ, Cục Cảnh sát giao thông phải ghi rõ loại giấy tờ tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng: tên, số, ký hiệu của giấy tờ, số đăng ký phương tiện, thời gian tạm giữ, thời gian tước quyền sử dụng, họ tên, địa chỉ của người có giấy tờ bị tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng và hành vi vi phạm hành chính.

**Điều 55. Sử dụng thông tin, hình ảnh để xử phạt**

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định này được sử dụng các nguồn hình ảnh làm căn cứ để xác định hành vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa như sau:

a) Hình ảnh thu được từ phương tiện,thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thu thập;

b) Hình ảnh thu được từ phương tiện,thiết bị kỹ thuật của cơ quan, tổ chức được giao quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa;

c) Hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội.

2. Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật thu hình ảnh làm căn cứ xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Yêu cầu đối với hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội:

a) Thông tin, hình ảnh phản ánh vi phạm được xác minh phải bảo đảm điều kiện thể hiện thông tin về thời gian, địa điểm, đối tượng, hành vi vi phạm còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định;

b) Tổ chức, cá nhân khi ghi nhận được thông tin, hình ảnh phản ánh vi phạm có thể cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thông qua thư điện tử, đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan. Tổ chức, cá nhân cung cấp hình ảnh phải có họ tên, địa chỉ rõ ràng, số điện thoại liên hệ (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin, hình ảnh đã cung cấp.

4. Khi tiếp nhận hình ảnh làm căn cứ để xác định hành vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ghi chép vào sổ theo dõi, ký giao nhận và lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

**Điều 56. Tiếp nhận và xử lý thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm để xử phạt.**

1. Đối với thông tin, hình ảnh thu được theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 55 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

2. Đối với thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội được tiếp nhận và xử lý như sau:

a) Tiếp nhận thông tin, hình ảnh:

Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định này có trách nhiệm: Thông báo địa điểm, hộp thư điện tử tiếp nhận thông tin, hình ảnh để Nhân dân biết cung cấp; Tổ chức trực ban 24/24 giờ để tiếp nhận thông tin, hình ảnh; Bảo đảm bí mật tên, họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, bút tích và thông tin khác của tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin, hình ảnh.

b) Xử lý thông tin, hình ảnh

Khi tiếp nhận thông tin, hình ảnh, người có thẩm quyền phải xem xét, phân loại, nếu bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, thì ghi chép vào sổ và báo cáo thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền thực hiện như sau:

Trường hợp thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa đang diễn ra trên tuyến, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm thì tổ chức lực lượng kiểm tra, phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định. Trường hợp không thể kiểm tra hoặc hành vi vi phạm được phản ánh đã kết thúc thì thực hiện biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật;

Trường hợp không thuộc tuyến, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm của mình thì thông báo cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Xác minh, thu thập tài liệu, tình tiết xác định vi phạm hành chính và xử lý vi phạm

a) Căn cứ yêu cầu cụ thể từng vụ việc, trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền xử phạt thực hiện một hoặc nhiều hình thức xác minh phù hợp sau:

Tiến hành xác minh thông tin về hành vi vi phạm; gửi thông báo mời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền để làm rõ vụ việc. Trường hợp quá thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà tổ chức, cá nhân chưa đến trụ sở cơ quan đã ra thông báo để giải quyết vụ việc thì người có thẩm quyền xử phạt tiếp tục gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân đăng ký thường trú đề nghị phối hợp giải quyết theo quy định;

Làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc, người chứng kiến, biết vụ việc xảy ra; gửi văn bản đến cơ quan báo chí đã đăng tải, đề nghị cung cấp thông tin, hình ảnh đã đăng tải;

Trực tiếp xác minh hoặc phối hợp với Công an cấp xã thực hiện xác minh vụ việc;

Trưng cầu giám định thông tin, hình ảnh và các tài liệu liên quan; Các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

b) Khi làm việc với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và tổ chức, cá nhân có liên quan, phải lập thành biên bản. Các tài liệu, tình tiết tiếp nhận, thu thập được để xác định vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa phải được lưu trong hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật;

c) Căn cứ kết quả xác minh, tài liệu, tình tiết thu thập được, người có thẩm quyền xử phạt thực hiện như sau:

Trường hợp thông tin, hình ảnh phản ánh đúng, xác định có hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Trường hợp thông tin, hình ảnh có dấu hiệu làm giả thì chuyển toàn bộ hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

Trường hợp thông tin, hình ảnh của tổ chức, cá nhân cung cấp mà qua xác minh, xác định không có hành vi vi phạm hoặc không đủ căn cứ để xác định hành vi vi phạm thì tiến hành kết thúc hồ sơ vụ việc và lưu theo quy định.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 57. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2021.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định xử phạt theo nguyên tắc có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

**Điều 59. Tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.